

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-PT

Ngày 07 - 3 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Ngọc T, sinh năm 1985; cư trú tại: Số NC/MB, đường P, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lương Ngọc T: Bà Quách Thị M, sinh năm 1946; cư trú tại: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Theo Giấy ủy quyền ngày 20 tháng 4 năm 2018).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị V, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1957; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn MBC, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn D: Bà Võ Thị V, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Theo Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2018).

2. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Trụ sở: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Chí N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Lương Ngọc T.*

*(Bà Quách Thị M, bà Võ Thị V có mặt tại phiên tòa;
các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2018, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị Lương Ngọc T là nguyên đơn và bà Quách Thị M là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của chị T nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị T diện tích 184,8m² thuộc thửa số 182, tờ bản đồ số 21 và của bà Trần Thị K diện tích 184,6m² thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 21 cùng tọa lạc tại ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2016. Chị T đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/8/2016 đối với 02 thửa đất này. Sau khi mua đất, chị T đã xây nhà trên 02 phần đất trên và có chừa lại 01 phần đất phía giáp với bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D dài 10m ngang 1,4m.

Vào ngày mừng 02 Tết Nguyên Đán năm 2018 (ngày 17/02/2018 dương lịch), bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D xây nhà thì chị T phát hiện bà V lấn qua phần đất của chị T chiều dài 10m chiều ngang 1,4m nên chị T có trình chính quyền ấp B, Trưởng ấp là ông Danh K có mời hai bên lên làm việc. Khi đó bà V cam kết nếu cất nhà mà lấn qua đất của chị T thì bà V tự nguyện tháo dỡ phần mà bà V cất lấn qua, sự việc này có lập biên bản. Nay bà M đại diện theo ủy quyền của chị T yêu cầu bà V, ông D có trách nhiệm tháo dỡ phần nhà đã xây lấn qua diện tích đất của chị T để trả lại phần đất qua đo đạc thực tế là 13,94m². Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà Võ Thị V là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn D trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là do bà nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn L, diện tích ngang 05m dài 35m với giá 20.000.000 đồng vào năm 2006. Hai bên có làm giấy tay là “Đơn chuyển nhượng đất ở” ngày 05/01/2006 có chính quyền ấp xác nhận. Đến nay bà vẫn chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Bà V cho rằng bà cất nhà trên phần đất bà mua của ông L chứ không cất lấn qua đất của chị T.

Việc bà M cho rằng vào ngày mùng 02 Tết Nguyên Đán năm 2018 (ngày 17/02/2018 dương lịch), khi bà xây nhà thì chị T phát hiện bà V lấn qua phần đất của chị T chiều dài 10m chiều ngang 1,4m và có trình chính quyền ấp, Trưởng ấp là ông Danh K có mời hai bên làm việc, khi đó bà V cam kết nếu cất nhà mà lấn qua đất của chị T thì bà V tự nguyện tháo dỡ phần mà bà V cất lấn qua, sự việc này có lập biên bản là không đúng sự thật. Vì khi bà cất nhà xong thì phía chị T mới làm đơn thưa bà. Đến ngày 02/5/2018, Ủy ban nhân dân thị trấn N có gửi giấy mời để mời hai bên lên hòa giải vào ngày 04/5/2018. Từ trước đến nay, bà chưa từng cam kết tháo dỡ phần nhà lấn qua đất chị T. Nay bà không đồng ý với yêu cầu của bà M. Tuy nhiên, thực tế bà không có lấn đất của chị T nhưng do tình nghĩa láng giềng bà không muốn vụ việc kéo dài nên nếu vợ chồng bà có lấn qua phần đất của chị T thì do đã làm nhà kiên cố nên không thể đập phá hay tháo dỡ, do đó bà đồng ý trả cho chị T toàn bộ giá trị diện tích đất 13,94m² là 6.000.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì chị Lương Ngọc T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T diện tích 184,8m² thuộc thửa số 182, tờ bản đồ số 21 và của bà Trần Thị K diện tích 184,6m² thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 21 và được chỉnh lý tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2016. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Lương Ngọc T tại các thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Việc Tòa án nhân dân huyện H xem xét, giải quyết thu hồi hay không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên Ủy ban nhân dân huyện H không có ý kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 01/2018/QĐ-SCBS ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Ngọc T kiện đòi bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D trả phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 13,94m².

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị V về việc bà V hoàn trả giá trị đất tranh chấp 13,94m² với số tiền 6.000.000 đồng cho chị Lương Ngọc T.

Buộc vợ chồng bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D có trách nhiệm liên đới hoàn trả giá trị đất tranh chấp cho chị Lương Ngọc T số tiền 6.000.000 đồng.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.

Bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D được quyền tiếp tục quản lý sử dụng phần diện tích tranh chấp 13,94m² theo xác định của các đương sự qua xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất có diện tích và vị trí như sau:

- Phía Đông giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có cạnh dài 1,4m;
- Phía Tây giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có cạnh dài 1,4m;
- Phía Nam giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có cạnh dài 10,0m;
- Phía Bắc giáp phần đất không tranh chấp của chị Lương Ngọc T có cạnh dài 10,0m.

Nằm trong thửa đất số 57, tờ bản đồ số 21 diện tích 6,97m² do chị Lương Ngọc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nằm trong thửa đất số 182 tờ bản đồ số 21 diện tích 6,97m² do chị Lương Ngọc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D có quyền đến cơ quan chức năng kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 13,94m² theo quy định của pháp luật khi có nhu cầu.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D liên đới nộp 1.250.000 đồng để trả cho chị Lương Ngọc T. Chị Lương Ngọc T được nhận lại 750.000 đồng tại Tòa án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Lương Ngọc T. Chị T kháng cáo không đồng ý Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu; yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị đơn giao trả đất bằng hiện vật, không đồng ý nhận giá trị đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lương Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Ngọc T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2018 (bút lục 43 - 46) phần đất tranh chấp có diện tích 13,94m² có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có số đo là 1,4m;

- Hướng Tây giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có số đo là 1,4m;

- Hướng Nam giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có số đo là 10,0m;

- Hướng Bắc giáp phần đất không tranh chấp của chị Lương Ngọc T có số đo là 10,0m.

[3] Theo trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 02/8/2018 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định phần đất tranh chấp diện tích 13,94m² thuộc một phần của thửa đất số 57 và một phần của thửa số 182, tờ bản đồ số 21, do chị Lương Ngọc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Tại Công văn số 43/PTNMT ngày 19/11/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định: “*Phần đất tranh chấp có chiều ngang 1,4m và chiều dài 10m nếu thửa đất hình chữ nhật thì diện tích lớn nhất bằng 14m². Tuy nhiên, phần đất tranh chấp không phải hình chữ nhật nên diện tích nhỏ hơn 14m²*”. Như vậy, phần đất tranh chấp có chiều ngang 1,4m, chiều dài 10m nhưng do phần đất tranh chấp không phải là hình chữ nhật nên có cơ sở xác định diện tích phần đất tranh chấp là 13,94m².

[5] Theo bà Quách Thị M đại diện cho nguyên đơn chị Lương Ngọc T xác định chị Lương Ngọc T có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị T diện tích 184,8m² thuộc thửa số 182 tờ bản đồ số 21 và của bà Trần Thị K diện tích

184,6m² thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 21 vào năm 2016. Chị T đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/8/2016. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, chị T đã xây nhà trên 02 phần đất trên và có chừa lại 01 phần đất phía giáp với bà V và ông D dài 10m ngang 1,4m. Còn theo bà Võ Thị V xác định vào năm 2006 bà có nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn L phần đất diện tích ngang 05m dài 35m với giá 20.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay là “Đơn chuyển nhượng đất ở” ngày 05/01/2006 có chính quyền ấp xác nhận, theo bà đất tranh chấp nằm trong diện tích đất bà đã nhận chuyển nhượng của ông L.

[6] Hội đồng xét xử xét nguồn gốc đất tranh chấp: Theo bà M, chị T xác định đất tranh chấp chị T nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị T và bà Trần Thị K. Ông Đặng Văn L, bà T, bà K đều xác định ông L chuyển nhượng đất cho bà T và bà K, sau đó bà T bà K chuyển nhượng đất lại cho chị T. Phía bà V và ông D xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Đặng Văn L. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Đặng Văn L. Tuy bà V cho rằng phần đất bà nhận chuyển nhượng của ông L có bao gồm phần đất tranh chấp nhưng căn cứ các lời khai của ông Đặng Văn L (bút lục 157 - 158) thể hiện ông L có chuyển nhượng các phần đất cho bà Trần Thị T và bà Trần Thị K. Sau đó, bà T và bà K chuyển nhượng lại toàn bộ các phần đất cho chị T và chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất chị T quản lý sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng không có chồng lấn qua đất của ông L. Ngoài ra, ông L còn xác định năm 2006, ông cũng có chuyển nhượng một phần đất cho bà V và ông D diện tích 175m² (ngang 05m, dài 35m) nhưng hiện tại ông L không xác định được phần đất tranh chấp có nằm trong phần đất bà V đã nhận chuyển nhượng của ông hay không vì phần đất các đương sự đang sử dụng đã thay đổi hiện trạng so với trước đây. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của ông L phù hợp với các lời khai của bà Trần Thị T và bà Trần Thị K, cả bà T và bà K đều khẳng định sau khi mua đất của ông L thì đã sử dụng không tranh chấp và đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho chị T. Mặt khác, cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị T. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh đất tranh chấp là của chị T và chị T có quyền sử dụng đất hợp pháp, chưa đủ căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà V và ông D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị T và chấp nhận yêu cầu đòi đất của chị T đối với bà V và ông D là phù hợp, có căn cứ.

[7] Xét kháng cáo của chị T về việc yêu cầu nhận đất, không đồng ý nhận giá trị đất: Do trên tổng diện tích đất tranh chấp 13,94m² bao gồm 02 phần đất, phần thứ nhất có diện tích 6,11m² có hiện trạng là đất trống và phần thứ hai có diện tích 7,83m² bà V đã xây dựng một số vật kiến trúc gắn liền với căn nhà bà V đang ở gồm 01 phần tường nhà kiên cố, 01 phần nền gạch Ceramic, 01 phần nền hành lang và 01 phần mái tole kẽm. Trên diện tích 6,11m² có hiện trạng là đất trống, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, cả bà M và bà V đều thống nhất xác định phía dưới lòng đất có đường ống thoát nước mưa của gia đình bà V được bà

V lắp đặt cùng thời điểm bà V xây nhà. Xét thấy, các cấu trúc xây dựng gắn liền với căn nhà bà V đang ở và phần đường ống thoát nước mưa của gia đình bà V thì không thể tháo dỡ vì khi tháo dỡ sẽ làm ảnh hưởng đến giá trị còn lại của căn nhà. Đồng thời, giá trị phần đất tranh chấp thấp hơn giá trị một phần căn nhà mà bà V và ông D đã xây dựng trên đất. Mặt khác, bà M (đại diện theo ủy quyền của chị T) có đặt vấn đề ngày mùng 02 Tết Nguyên Đán năm 2018 (ngày 17/02/2018 dương lịch), có sự việc chị T phát hiện bà V và ông D xây nhà lấn qua phần đất của chị T chiều dài 10m chiều ngang 1,4m nên chị T trình chính quyền ấp B, khi được ấp mời làm việc, bà V cam kết nếu bà V cất nhà lấn qua đất của chị T thì bà V sẽ tự nguyện tháo dỡ phần cất lấn qua, sự việc này có lập biên bản. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, bà V và ông Danh K - là Trưởng ấp B đều xác định không có sự việc như bà M trình bày. Tại cấp phúc thẩm, chị T và bà M không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho ý kiến này. Do đó, có cơ sở buộc bà V và ông D hoàn trả giá trị diện tích 13,94m² đất cho chị T như cấp sơ thẩm đã xử, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T yêu cầu nhận bằng đất đối với diện tích 13,94m².

[8] Do đủ căn cứ chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị T nhưng giao cho bà V và ông D tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 13,94m² nên bà V và ông D có trách nhiệm hoàn trả giá trị đất cho chị T như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V tiếp tục tự nguyện hoàn trả giá trị 13,94m² đất cho chị T bằng số tiền 6.000.000 đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà V.

[9] Xét ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện H, không chấp nhận kháng cáo của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[10] Về chi phí tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm bà Quách Thị M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lương Ngọc T đã nhận lại số tiền 750.000 đồng tại Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 11/12/2018. Do đó, trong bản án phúc thẩm không phải tuyên về số tiền chi phí tố tụng này.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T nên chị T phải chịu án phí phúc thẩm, chị T đã dự nộp án phí phúc thẩm được chuyển thu án phí.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Ngọc T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Ngọc T kiện đòi bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D trả phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 13,94m².

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị V về việc bà V hoàn trả giá trị đất tranh chấp 13,94m² với số tiền 6.000.000 đồng cho chị Lương Ngọc T.

3. Buộc vợ chồng bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D có trách nhiệm hoàn trả giá trị diện tích 13,94m² đất tranh chấp cho chị Lương Ngọc T số tiền 6.000.000 đồng.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.

4. Bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D được quyền tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 13,94m² tọa lạc tại ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có số đo 1,4m;
- Hướng Tây giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có số đo 1,4m;
- Hướng Nam giáp phần đất không tranh chấp của bà Võ Thị V có số đo 10,0m;
- Hướng Bắc giáp phần đất không tranh chấp của chị Lương Ngọc T có số đo 10,0m.

Nằm trong thửa đất số 57, tờ bản đồ số 21 diện tích 6,97m² do chị Lương Ngọc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nằm trong thửa đất số 182 tờ bản đồ số 21 diện tích 6,97m² do chị Lương Ngọc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D có quyền đến cơ quan chức năng kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 13,94m² theo quy định của pháp luật khi có nhu cầu.

5. Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền điều chỉnh một phần thửa số 57 và một phần thửa số 182, tờ bản đồ số 21 giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho chị Lương Ngọc T ngày 09/8/2016 phù hợp diện tích đất thực tế đương sự đang sử dụng hợp pháp.

6. Về chi phí tố tụng là 1.250.000 đồng: Chị Lương Ngọc T đã nộp 1.250.000 đồng chi phí hết, buộc bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D phải nộp 1.250.000 đồng để trả cho chị Lương Ngọc T.

7. Về án phí:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị V và ông Ngô Văn D phải chịu số tiền 300.000 đồng; chị Lương Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 500.000 đồng theo Biên lai thu số 0005753 ngày 14/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại toàn bộ 500.000 đồng.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lương Ngọc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005961 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt